

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đạo Thịnh	Chủ tịch
Ông Ngô Quang Trung	Ủy viên
Ông Vũ Ngọc Khấu	Ủy viên
Ông Vũ Quang Khánh	Ủy viên
Ông Phan Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên
Ông Lê Thanh Hải	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đạo Thịnh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Khấu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tám	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Đạo Thịnh

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2009

Số: /2009/BCKT - IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ Phần Vận tải Xăng dầu Vipco

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại các trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Lê Xuân Thắng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

Ngày 25 tháng 02 năm 2009

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272.111.681.142	426.644.467.958
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	113.249.946.649	242.817.227.262
1. Tiền	111		113.249.946.649	31.797.227.262
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	211.020.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	43.116.457.418	91.861.994.892
1. Đầu tư ngắn hạn	121		61.772.603.406	94.910.818.415
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(18.656.145.988)	(3.048.823.523)
III. Các khoản phải thu	130		44.131.832.494	51.093.948.540
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	32.717.994.405	35.546.686.247
2. Trả trước cho người bán	132		1.231.541.439	5.132.977.052
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		5.699.008	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	10.176.597.642	10.414.285.241
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	47.895.272.283	37.623.124.882
1. Hàng tồn kho	141		47.895.272.283	37.623.124.882
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.718.172.298	3.248.172.382
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.211.640.758	1.122.055.060
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		442.983.064	752.083.402
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		13.228.422	13.228.422
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	22.050.320.054	1.360.805.498
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.135.523.576.574	1.089.495.411.980
II. Tài sản cố định	220		880.530.573.858	960.762.357.481
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	853.120.353.885	947.489.423.357
- Nguyên giá	222		1.343.978.483.893	1.346.864.152.453
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(490.858.130.008)	(399.374.729.096)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	167.737.500	191.700.000
- Nguyên giá	228		293.502.920	293.502.920
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(125.765.420)	(101.802.920)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	27.242.482.473	13.081.234.124
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		244.030.000.000	124.580.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	143.000.000.000	96.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	17.500.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	83.530.000.000	28.580.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.963.002.716	4.153.054.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	2.705.784.235	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	8.163.551.937	4.153.054.499
3. Tài sản dài hạn khác	268		93.666.544	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.407.635.257.716	1.516.139.879.938

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		629.040.975.315	750.287.143.213
I. Nợ ngắn hạn	310		41.516.771.490	101.371.636.443
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	10.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		3.886.064.220	58.584.834.973
3. Người mua trả tiền trước	313		11.363.637	63.727.274
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.741.961.993	754.831.567
5. Phải trả người lao động	315		10.763.187.459	18.341.594.642
6. Chi phí phải trả	316	V.17	3.634.442.320	21.443.293.046
7. Phải trả nội bộ	317		7.113.082.960	-
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.366.668.901	2.183.354.941
II. Nợ dài hạn	330		587.524.203.825	648.915.506.770
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	587.210.068.005	648.647.074.390
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		314.135.820	268.432.380
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		778.594.282.401	765.852.736.725
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	772.558.130.792	764.030.026.117
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		598.077.850.000	598.077.850.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(26.447.861.783)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		134.418.118.290	81.635.273.187
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.688.361.414	9.281.752.886
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		53.821.662.871	75.035.150.044
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.036.151.609	1.822.710.608
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		6.036.151.609	1.822.710.608
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.407.635.257.716	1.516.139.879.938

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2008	01/01/2008
5. Ngoại tệ các loại	USD	6.550.374	881.116

Nguyễn Đạo Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 02 năm 2009

Vũ Quang Khánh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.075.078.613.091	986.457.137.422
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.075.078.613.091	986.457.137.422
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	931.336.275.660	842.300.196.984
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		143.742.337.431	144.156.940.438
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.254.013.791	50.363.524.471
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	88.916.207.377	56.405.123.634
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.518.719.298	48.901.394.713
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.337.646.268	691.621.586
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	17.140.348.759	13.000.009.378
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.602.148.818	124.423.710.311
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.613.581.610	30.694.763.675
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.965.722.658	22.017.562.955
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(352.141.048)	8.677.200.720
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.9	74.250.007.770	133.100.911.031
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	(4.010.497.438)	(4.153.054.499)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	78.260.505.208	137.253.965.530
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.309	3.404

Nguyễn Đạo Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 02 năm 2009

Vũ Quang Khánh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	867.838.591.461	985.218.193.018
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(642.030.531.435)	(667.710.642.161)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(56.235.153.029)	(41.055.033.682)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(37.518.719.298)	(48.639.489.006)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	396.170.005.551	76.612.744.091
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(379.058.765.548)	(4.267.773.837)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	149.165.427.702	300.157.998.423
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(27.998.318.196)	(772.514.625.686)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	22	1.760.651.200	27.755.605.506
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(616.429.162.043)	(15.265.101.422)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	284.893.099.973	36.201.052.070
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(19.716.000.000)	(119.525.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	100.000.000	520.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	224.016.205.521	8.247.703.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(153.373.523.545)	(834.580.366.448)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	153.000.000	247.077.850.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại CP đã phát hành	32	(26.447.861.783)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	395.211.840.000	567.203.314.250
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(411.158.124.495)	(126.360.181.820)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(73.419.749.002)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.862.709.200)	(67.365.180.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(151.523.604.480)	620.555.801.830
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(155.731.700.323)	86.133.433.805
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	242.817.227.262	156.676.716.118
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.164.419.710	7.077.339
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	113.249.946.649	242.817.227.262

Nguyễn Đạo Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 02 năm 2009

Vũ Quang Khánh
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I theo Quyết định số 2439/QĐ-BTM ngày 29 tháng 9 năm 2005 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001919, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 9 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã đăng ký do bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Cơ cấu vốn đăng ký của Công ty như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận ĐKKD	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2008	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước	306.000.000.000	306.000.000.000	51,0
Các cổ đông khác	294.000.000.000	292.077.850.000	48,7
Cộng	600.000.000.000	598.077.850.000	99,7

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận niêm yết và phát hành cổ phiếu ra công chúng. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VIP.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO có 05 công ty con. Tất cả các công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008. Danh sách các công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quyền kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên VIPCO Hạ Long	Tổ 6, khu 5, Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên VIPCO Hải Phòng	37 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản VIPCO	37 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Thuyền viên VIPCO	37 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại VIPCO	37 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO có 01 công ty liên kết. Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Tên công ty liên kết, địa chỉ, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ kiểm soát của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Phòng 300A, tầng 3 Trung tâm Thương mại Sholega, 275 Lạch Tray, Thành phố Hải Phòng.	35%	35%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 37 Phan Bội Châu, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại: (031) 3838680 / 3830049
Fax : (031) 3838033
E-mail : vipco.hp@vnn.vn
Website: www.vipco.com.vn
Mã số thuế: 0 2 0 3 0 0 1 9 1 9

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải ven biển và viễn dương;
- Dịch vụ hàng hải, đại lý tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, đại lý vận tải đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển, khai thuê hải quan;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng;
- Kinh doanh xăng dầu, gas hóa lỏng, các sản phẩm hóa dầu và các thiết bị sử dụng gas hóa lỏng; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng; Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Kinh doanh bất động sản (nhà cửa, kho tàng) và vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ kho bãi và dịch vụ kho ngoại quan, cho thuê thuyền viên, dịch vụ du lịch và kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính trong năm được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong thời kỳ.

Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông. Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty. Năm 2008, Công ty đã thực hiện tạm trích các quỹ.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Việc trích lập Quỹ dự phòng tài chính nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty khi xảy ra các rủi ro hoặc lỗ trong kinh doanh hoặc là nhằm dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan và các trường hợp bất khả kháng, ví dụ như cháy nổ, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc ở một nơi nào khác, v.v...

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên nhằm mục đích động viên, khen thưởng dưới hình thức vật chất, nâng cao lợi ích vật chất và tinh thần cho người lao động

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ khi cổ tức được công bố.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí chung liên quan đến các hợp đồng xây dựng như chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa... Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo tỉ lệ tương ứng với phần công việc hoàn thành trong kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Trong thời gian miễn thuế Công ty được áp dụng thuế suất 20% đối với lợi nhuận các hoạt động vận tải đường biển, dịch vụ hàng hải.

Ngoài ra, Công ty bắt đầu thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006, theo quy định tại Công văn số 10997 CV/BTC-CST ngày 18 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các Doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán, Công ty sẽ được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tính từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế. Như vậy, Công ty sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 01 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2008 là năm thứ ba Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và kinh doanh có lãi và được miễn thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm được dùng để tăng Quỹ Đầu tư phát triển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Khi đó, thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày tại thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	102.411.000	412.827.000
Tiền gửi ngân hàng	113.147.535.649	31.384.400.262
Các khoản tương đương tiền	-	211.020.000.000
Tổng cộng	113.249.946.649	242.817.227.262

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	36.887.404.288	78.721.769.063
Đầu tư ngắn hạn khác	24.885.199.118	16.189.049.352
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(18.656.145.988)	(3.048.823.523)
Tổng cộng	43.116.457.418	91.861.994.892

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	18.835.934.318	29.430.337.877
Công ty TNHH Một thành viên VIPCO Hạ Long	-	3.436.676.643
Công ty TNHH Một thành viên VIPCO Hải Phòng	-	2.428.098.668
Công ty TNHH Thương mại VIPCO	-	222.073.059
Công ty PCD International Ltd	13.471.112.578	-
Các khoản phải thu khác	410.947.509	29.500.000
Tổng cộng	32.717.994.405	35.546.686.247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân phải thu của nhân viên	186.743.775	754.831.567
Công ty TNHH Phương Hòa (*)	7.100.340.000	7.100.340.000
Phải thu khác	2.889.513.867	2.559.113.674
Tổng cộng	10.176.597.642	10.414.285.241

(*) Đây là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH Phương Hòa để thu xếp tín dụng cho Công ty vay lại 5.000.000 USD. Hiện tại, việc thu xếp tín dụng vẫn đang được tiến hành và khoản tiền này sẽ được trừ vào hoa hồng khi hoàn tất thủ tục vay. Tại thời điểm cuối năm, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu cho khoản phải thu này.

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	47.241.873.872	37.057.830.756
Công cụ, dụng cụ	653.398.411	565.294.126
Tổng cộng	47.895.272.283	37.623.124.882

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tạm ứng	1.367.320.054	1.340.805.498
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.683.000.000	20.000.000
Tổng cộng	22.050.320.054	1.360.805.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2008	6.134.309.552	1.648.095.556	1.338.555.352.247	526.395.098	1.346.864.152.453
Mua trong năm	-	14.833.560	-	13.788.000	28.621.560
Giảm khác	2.343.328.304	546.725.625	-	24.236.191	2.914.290.120
Tại ngày 31/12/2008	3.790.981.248	1.116.203.491	1.338.555.352.247	515.946.907	1.343.978.483.893
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2008	703.331.940	1.516.132.328	396.737.556.028	417.708.800	399.374.729.096
Khấu hao trong năm	189.167.421	60.673.827	92.205.281.529	47.461.937	92.502.584.714
Giảm khác	460.380.405	534.567.206	-	24.236.191	1.019.183.802
Tại ngày 31/12/2008	432.118.956	1.042.238.949	488.942.837.557	440.934.546	490.858.130.008
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2008	5.430.977.612	131.963.228	941.817.796.219	108.686.298	947.489.423.357
Tại ngày 31/12/2008	3.358.862.292	73.964.542	849.612.514.690	75.012.361	853.120.353.885

Nguyên giá của Tài sản cố định bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 83.997.026.480 đồng.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2008	239.625.000	53.877.920	293.502.920
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	239.625.000	53.877.920	293.502.920
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2008	47.925.000	53.877.920	101.802.920
Khấu hao trong năm	23.962.500	-	23.962.500
Tại ngày 31/12/2008	71.887.500	53.877.920	125.765.420
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2008	191.700.000	-	191.700.000
Tại ngày 31/12/2008	167.737.500	-	167.737.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Thuyền viên VIPCO	3.397.053.636	-
Công trình Cảng Container Đình Vũ	18.694.331.432	11.106.884.582
Công ty Xây dựng khu dân cư xã Nam Hải	-	10.000.000
Công ty Xây dựng khu dân cư xã Đằng Hải	-	30.186.000
Cửa hàng Xăng dầu Xã Anh Dũng	1.992.663.942	1.460.663.942
Nhà 37 Phan Bội Châu	3.158.433.463	473.499.600
Tổng cộng	27.242.482.473	13.081.234.124

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ long	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại VIPCO	68.000.000.000	21.000.000.000
Tổng cộng	143.000.000.000	96.000.000.000

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	17.500.000.000	-
Tổng cộng	17.500.000.000	-

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	-	2.080.000.000
Công ty Cổ phần An Phú	52.900.000.000	-
Trường Cao đẳng nghề Duyên hải	21.000.000.000	21.000.000.000
Trường Cao đẳng nghề Duyên hải (vay)	5.400.000.000	5.400.000.000
Công ty Cổ phần vận tải và thuê tàu	4.230.000.000	-
Đầu tư trái phiếu	-	100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-
Tổng cộng	83.530.000.000	28.580.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	-	125.000.000
Tăng trong năm	3.317.648.489	-
Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	611.864.254	125.000.000
Tại ngày 31 tháng 12	2.705.784.235	-

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Số đầu năm	4.153.054.499	-
Phát sinh trong năm	8.163.551.937	4.153.054.499
Hoàn nhập trong năm	4.153.054.499	-
Số cuối năm	8.163.551.937	4.153.054.499

15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Ngân hàng ACB Hải Phòng	10.000.000.000	-
Tổng cộng	10.000.000.000	-

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.741.961.993	754.831.567
Tổng cộng	1.741.961.993	754.831.567

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	16.660.090.501
Chi phí phải trả khác	3.634.442.320	4.783.202.545
Tổng cộng	3.634.442.320	21.443.293.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	430.294.514	401.477.549
Bảo hiểm xã hội	28.662.165	46.637.780
Phải trả khác của TCT Xăng dầu Việt Nam	2.334.088.993	684.626.398
Cổ tức phải trả	44.691.600	26.819.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.528.931.629	1.023.793.814
Tổng cộng	4.366.668.901	2.183.354.941

19. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Láng Hạ	-	3.061.660.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam	142.141.036.005	164.896.737.390
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	445.069.032.000	480.688.677.000
Tổng cộng	587.210.068.005	648.647.074.390

Vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam thể hiện khoản vay theo Hợp đồng Tín dụng số 26092007/NHCT-VIPCO/HDTD ngày 26 tháng 09 năm 2007. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất được tính theo lãi suất Sibor USD 6 tháng + 1,95%/năm (lãi suất Sibor được xác định trên màn hình Reuter tại trang Absirfix 04 của hiệp hội ngân hàng Singapore dòng Fixing hồi 11 giờ tại ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi). Thời hạn vay là 9 năm 10 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Mục đích của khoản vay là mua tàu chở dầu Petrolimex 06.

Vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng thể hiện khoản vay theo Hợp đồng Tín dụng số 01/HĐTH/NHHB ngày 02 tháng 01 năm 2007. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất được tính theo lãi suất Sibor USD 6 tháng + 2,0%/năm (lãi suất Sibor được xác định trên màn hình Reuter tại trang Absirfix 04 của hiệp hội ngân hàng Singapore dòng Fixing hồi 11 giờ tại ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi). Thời hạn vay là 9 năm 10 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Mục đích của khoản vay là mua tàu chở dầu Petrolimex 10.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco
Số 37 Phan Bội Châu, Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	351.000.000.000	20.677.887.416	4.069.086.442	75.817.152.000	-	247.077.850.000
Tăng vốn trong năm trước	247.077.850.000	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	137.253.965.530	-	137.253.965.530
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	30.078.072.752	5.212.666.444	(39.229.825.638)	-	(3.939.086.442)
Thuế TNDN được miễn trích vào quỹ Đầu tư phát triển	-	30.368.658.648	-	(30.368.658.648)	-	-
Chi cổ tức năm trước	-	-	-	(67.392.000.000)	-	(67.392.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.045.483.200)	-	(1.045.483.200)
Thuế TNDN được miễn năm trước của Công ty VIPCO Hạ Long	-	510.654.371	-	-	-	510.654.371
Số dư cuối năm trước	598.077.850.000	81.635.273.187	9.281.752.886	75.035.150.044	-	764.030.026.117
Số dư đầu năm nay	598.077.850.000	81.635.273.187	9.281.752.886	75.035.150.044	-	764.030.026.117
Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	69.074.539.707	-	69.074.539.707
Lợi nhuận từ các công ty con năm trước	-	-	-	13.339.020.000	-	13.339.020.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	52.782.845.103	3.446.794.528	(103.627.046.880)	-	(47.397.407.249)
Tăng trong năm	-	-	-	-	(26.447.861.783)	(26.447.861.783)
Giảm trong năm	-	-	(40.186.000)	-	-	(40.186.000)
Tại ngày 31/12/2008	598.077.850.000	134.418.118.290	12.688.361.414	53.821.662.871	(26.447.861.783)	772.558.130.792

(*) Theo quy định tại Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 về việc “Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác”, lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối sẽ được trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính. Tại thời điểm cuối kỳ báo cáo, Công ty đã tạm trích lập quỹ Dự phòng tài chính theo tỷ lệ 5% theo Điều lệ Công ty quy định. Sau khi có Quyết định phân phối lợi nhuận năm 2008 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty sẽ chính thức trích lập quỹ dự phòng tài chính theo đúng quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	306.000.000.000	306.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	292.077.850.000	292.077.850.000
Tổng cộng	598.077.850.000	598.077.850.000
Cổ tức		
	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Thanh toán cổ tức năm trước	35.862.709.200	42.120.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	25.245.180.600
Số cuối năm	35.862.709.200	67.365.180.600

Trong năm nay, Ban Giám đốc Công ty đã đề xuất mức cổ tức thanh toán cho các cổ đông là 8%/cổ phiếu. Các cổ đông của Công ty sẽ phê duyệt mức cổ tức này tại Đại hội Cổ đông thường niên và Công ty chưa hạch toán khoản cổ tức được chia này vào Báo cáo tài chính năm nay.

Cổ phiếu

	Năm 2008	Năm 2007
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.807.785	59.807.785
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	59.807.785	59.807.785
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	1.139.540	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.668.245	59.807.785
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	58.668.245	59.807.785

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.075.078.613.091	986.457.137.422
- Doanh thu bán hàng hóa	652.913.829.313	615.121.661.454
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	422.164.783.778	371.335.475.968
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.075.078.613.091	986.457.137.422

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	652.517.596.869	614.948.028.038
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	278.818.678.791	227.352.168.946
Tổng cộng	931.336.275.660	842.300.196.984

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.187.638.929	4.713.474.744
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	3.404.555.461	1.408.237.946
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.034.385.617	2.125.990.394
Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá thực hiện	9.620.147.916	157.573.849
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.007.285.868	41.958.247.538
Tổng cộng	38.254.013.791	50.363.524.471

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37.518.719.298	48.901.394.713
Lỗ phát sinh do đánh giá lại tỷ giá	35.784.567.626	4.240.769.168
Chi phí lỗ đầu tư chứng khoán	15.612.708.153	3.212.525.893
Chi phí tài chính khác	212.300	50.433.860
Tổng cộng	88.916.207.377	56.405.123.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí nhân viên	441.459.042	375.310.425
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	175.255.271	116.115.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.913.656	37.500.000
Chi phí bằng tiền khác	484.018.299	162.695.837
Tổng cộng	1.337.646.268	691.621.586

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.902.902.428	4.834.231.095
Chi phí vật liệu quản lý	497.764.985	585.406.453
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	468.207.230	386.249.568
Thuế, phí và lệ phí	238.928.000	18.588.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.578.280.196	2.374.897.162
Chi phí bằng tiền khác	4.454.265.920	4.800.637.099
Tổng cộng	17.140.348.759	13.000.009.378

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Thu nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	1.600.592.000	29.285.995.305
Thu bán vật tư, phế liệu thu hồi	-	1.298.468.882
Các khoản thu khác	12.989.610	110.299.488
Tổng cộng	1.613.581.610	30.694.763.675

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	1.895.106.318	20.714.427.468
Giá vốn vật tư, phế liệu thu hồi	63.410.000	1.292.905.802
Chi phí khác	7.206.340	10.229.685
Tổng cộng	1.965.722.658	22.017.562.955

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	74.250.007.770	133.100.911.031
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	74.250.007.770	133.100.911.031
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Thuế TNDN hoãn lại	(4.010.497.438)	(4.153.054.499)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	78.260.505.208	137.253.965.530
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	59.806.647	40.316.633
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.309	3.404

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Trong thời gian miễn thuế Công ty được áp dụng thuế suất 20% đối với lợi nhuận các hoạt động vận tải đường biển, dịch vụ hàng hải.

Ngoài ra, Công ty bắt đầu thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006, theo quy định tại Công văn số 10997 CV/BTC-CST ngày 18 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các Doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán, Công ty sẽ được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm tính từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế. Như vậy, Công ty sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 01 năm tiếp theo.

Chỉ tiêu thuế TNDN phải nộp phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty thực tế phải nộp, không bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hạ Long	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Bất động sản VIPCO	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Thuyền viên VIPCO	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại VIPCO	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Giao dịch bán		
Doanh thu vận tải từ TCT Xăng dầu Việt Nam	312.577.132.408	371.335.475.968
Bán hàng cho Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	304.951.624.412	239.000.564.886
Bán hàng cho Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng	309.625.563.574	336.786.730.169
Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng thuê tàu định hạn	-	11.669.650.000
Bán hàng cho Công ty TNHH Thương mại VIPCO	23.973.400	-
Bán TSCĐ cho Công ty Bất động sản VIPCO	1.578.798.000	3.200.000
Giao dịch mua		
Mua xăng dầu của TCT Xăng dầu Việt Nam	614.577.187.986	575.787.295.055
Mua hàng của Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng	20.932.225.018	7.779.974.149
Thuê thuyền viên của Công ty Thuyền viên VIPCO	2.592.966.323	2.669.633.941
Giá trị công trình Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO bàn giao	5.000.000.000	3.827.937.272
Giao dịch khác	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hạ Long		
Góp vốn bằng Tài sản cố định	-	3.027.353.636
Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	6.972.646.364
Chuyển lợi nhuận năm trước về Công ty mẹ	8.388.214.372	1.876.144.765
Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng		
Góp vốn bằng Tài sản cố định	-	720.552.641
Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	19.138.718.342
Chuyển tiền lương, thưởng và các quỹ	-	1.403.581.527
Chuyển lợi nhuận năm trước về Công ty mẹ	923.806.842	-
Công ty TNHH một thành viên Bất động sản VIPCO		
Góp vốn bằng TSCĐ và chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	30.000.000.000
Cho vay	15.708.871.966	15.265.101.422
Lãi cho vay	1.889.297.534	1.026.431.554
Chuyển lợi nhuận năm trước về Công ty mẹ	3.962.468.020	-
Công ty TNHH một thành viên Thuyền viên VIPCO		
Góp vốn bằng tiền	-	5.000.000.000
Thanh toán BHXH	-	843.334.560
Chuyển tiền lương, thưởng và các quỹ	-	253.017.499
Chuyển lợi nhuận năm trước về Công ty mẹ	64.530.766	-
Công ty TNHH Thương mại VIPCO		
Cho vay	-	7.125.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:

Số dư với Bên liên quan:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Phải thu		
Phải thu Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	18.835.934.318	29.430.337.877
Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hạ Long	5.699.008	3.436.676.643
Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng	-	2.428.098.668
Công ty TNHH một thành viên Bất động sản VIPCO	23.885.199.118	9.064.049.352
Công ty TNHH Thương mại VIPCO	-	7.125.000.000
Tổng cộng	42.726.832.444	51.484.162.540
Phải trả		
Công ty TNHH một thành viên Thuyền viên VIPCO	5.257.085.043	4.311.105.330
Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng	1.855.997.917	-
Tổng cộng	7.113.082.960	4.311.105.330

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Các khoản công nợ phải thu không có đảm bảo và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2007
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	19,33	27,68
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	80,67	72,32
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	44,69	49,48
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	55,31	50,52
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	6,55	4,14
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	5,40	2,40
Khả năng thanh toán tức thời	Lần	2,73	2,40
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,91	12,52
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty trên doanh thu thuần	%	7,28	12,91
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5,27	8,82
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty trên tổng tài sản	%	5,56	9,09
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty trên vốn chủ sở hữu	%	10,13	18,04

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C). Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Nguyễn Đạo Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 02 năm 2009

Vũ Quang Khánh
Kế toán trưởng